TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/DS – ST
Ngày: 07/01/2024.
V/v *tranh chấp:"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Đặng Hoàng Mích;

2/ Đào Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoàng Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2024/TLST – DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 327/2017/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 254/2024 ngày 17/12/2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn*:** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1994. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị Thanh T ủy quyền cho ông Trần Chí T1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Ông Trần Chí T1 có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/01/2025)

- ***Bị đơn*:** Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- ***Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(ông T2 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/9/2023, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và trong quá trình xét xử ông Trần Chí T1 người đại diện của nguyên đơn là Bà Nguyễn Thị Thanh T, trình bày:

Vào năm 2022 bà Nguyễn Ngọc H có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Thanh T làm chủ hụi, cụ thể:

Hụi mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần, hụi khui ngày 30 tháng 02 năm 2022 (âm lịch), hụi gồm 40 phần, bà H tham gia chơi một phần, bà H hốt hụi ở lần khui thứ nhất vào ngày 30/02/2022. Khi hốt hụi xong bà H đóng được 15 phần hụi chết (đến tháng 12 năm 2022 Âm lịch), dây hụi này đến nay đã mãn hụi. Bà T phải tiếp tục choàng hụi chết (đóng thay tiền hụi chết) cho bà H cho đến khi mãn hụi, tổng cộng bà T đã choàng hụi chết cho bà H là 24 phần với số tiền là 24.000.000 đồng. Sau đó bà H có trả được cho bà T số tiền 500.000 đồng. Vì vậy bà H còn nợ bà T số tiền nợ hụi là 23.500.000 đồng. Sau đó, bà H có viết một tờ xác nhận do chính bà H viết và ký tên vào với nội dung bà H thừa nhận có nợ bà T số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng và hẹn bắt đầu từ ngày 30/5 âm lịch sẽ trả mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà H chỉ trả được 500.000 đồng cho bà T.

Hiện tại bà H và chồng bà là ông Nguyễn Văn T2 vẫn còn ở chung nhà, việc bà H chơi hụi là để kiếm tiền chi phí sinh hoạt trong gia đình, mặc dù ông T2 không biết cụ thể việc chơi hụi giữa bà H và bà T tuy nhiên ông T2 vẫn biết bà H có chơi hụi của bà T.

Vì vậy, nay bà T yêu cầu Tòa án buộc bà H và ông T2 là chồng bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền 23.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ bà T nêu ra: Giấy xác nhận có chữ ký chữ viết và lời thừa nhận của bà H trong quá trình làm việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/8/2024, biên bản hòa giải ngày 14/11/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà Nguyễn Ngọc H trình bày:

Bà H thừa nhận có chơi một dây hụi do bà T làm chủ hụi, như bà T trình bày là đúng. Dây hụi này đến nay đã mãn hụi. Nên bà T đã choàng hụi chết cho bà H 24 phần hụi chết với số tiền là 24.000.000 đồng.

Sau khi hốt hụi xong thì do hoàn cảnh khó khăn nên bà H còn nợ lại bà T 24 phần hụi chết với số tiền là 24.000.000 đồng, bà H có viết một tờ giấy xác nhận cho bà T với nội dung bà H thừa nhận còn nợ bà T 24 phần hụi chết với số tiền là 24.000.000 đồng, hẹn mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 30 tháng 5. Tờ giấy xác nhận này do chính bà H ký tên vào.

Sau đó bà H đóng hụi chết cho bà T được 1.500.000 đồng, không có làm giấy tờ gì, nên nay bà xác định bà còn nợ bà T số tiền hụi chết là 22.500.000 đồng chứ không phải là 23.500.000 đồng như bà T đã trình bày. Nay bà xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ hụi 22.500.000 đồng.

Đối với ông T2, hiện tại bà và ông T2 có đăng kí kết hôn vào ngày 30/12/2002, vẫn còn sống chung nhà, tuy nhiên việc bà chơi hụi của bà T thì ông không biết, đến khi bà nợ hụi thì ông T2 có biết nhưng nợ cụ thể như thế nào ông không rõ, bà H chơi hụi là để chi tiêu trong gia đình và trả tiền lãi hụi phát sinh. Vì vậy, bà H xác định một mình bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ hụi nêu trên.

Đối với ông Nguyễn Văn T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng ông T2 đều vắng mặt, nên không thu thập được lời khai của ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tuân theo đúng quy định của pháp luật. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt tại phiên Tòa là không thực hiện theo quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc bà H và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ hụi 23.500.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện bà T không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T, người đại diện của nguyên đơn ông Trần Chí T1, bị đơn bà Nguyễn Ngọc H, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 19/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông Chí T1, bà H và

ông T2 là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bà H có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ hụi vào năm 2022 và bà H còn nợ 23.500.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi là 23.500.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xác nhận ngày 19/9/2023 của Công an xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Văn T2 có đăng ký thường trú tại ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

* *Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà H và ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền nợ hụi 23.500.000 đồng và không tính lãi suất.

Cơ sở chứng cứ: Giấy xác nhận giữa bà H và bà T.

[4]. Bà H thừa nhận có giao dịch chơi hụi như bà T trình bày là đúng lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là *"giấy xác nhận giữa bà T và bà H"*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Bà H trình bày bà đã trả cho bà T số tiền 1.500.000 đồng, bà T xác định bà H chỉ trả cho bà được 500.000 đồng. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Việc bà H trả cho bà T số tiền 1.500.000 đồng bà T không thừa nhận, đồng thời bà H cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc bà đã trả số tiền 1.500.000 đồng. Vì vậy, lời trình bày này không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Bà T thừa nhận bà H có trả cho bà số tiền 500.000 đồng nên còn nợ lại là 23.500.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Nay bà H đã hốt hụi nhưng chưa thanh toán đầy đủ tiền hụi chết cho phía bà T số tiền hụi mà bà T đã choàng hụi cho bà H cho đến khi dây hụi mãn, là vi phạm nghĩa vụ của người hụi viên theo quy định tại Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường, nên bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả nợ hụi là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Bà T chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Xét yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ:

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo biên bản xác minh ngày 07/11/2024 tại ủy ban nhân dân xã T thể hiện ông T2 và bà H có đăng ký kết hôn vào năm 2002, nên bà H và ông T2 là vợ chồng hợp pháp. Đồng thời Bà H thừa nhận ông T2 không biết bà chơi hụi của bà T, tuy nhiên khi bà mắc nợ hụi thì ông T2 có biết nhưng không biết cụ thể bà nợ bà T bao nhiêu. Tiền chơi hụi là để chi tiêu sinh hoạt cả gia đình, và trả các khoản nợ khác. Vì vậy, nợ chung này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên buộc ông T2 có nghĩa vụ liên đới trả nợ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Xét yêu cầu xin trả dần của bà H:

Bà H xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, do kinh tế đang gặp khó khăn không thể trả ngay một lần cho bà T được, nhưng bà T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là sự thỏa thuận của các đương sự tại giai đoạn thi hành án, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[8]. *Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại về quan điểm giải quyết vụ án:* Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận toàn bộ, nên bà H và ông T2 phải liên đới chịu án phí của số tiền 23.500.000 đồng là:

23.500.000 đồng x 5% = 1.175.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 27, 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 16, 18, 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Văn T2 về việc "*Tranh chấp Hợp đồng góp hụi* ".

2. Buộc Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Văn T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ hụi là 23.500.000 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Văn T2 phải liên đới chịu là 1.175.000 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

5.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005797 ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Ngọc H và ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Quốc Hiếu